

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07-9-2022

V/v: Tranh chấp về con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Việt Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Văn Đăng.
2. Bà Trần Thị Hậu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/02/2021 về việc “*Tranh chấp về con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: 274/24/3 Nguyễn Văn Lượng, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Quốc T1, sinh năm 1983 (vắng mặt)..

Địa chỉ: Khu phố Thị Vải, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Trí T2, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: 274/24/3 Nguyễn Văn Lượng, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo văn bản ý kiến ngày 29/4/2021 và quá trình tham gia tố tụng tòa án nguyên đơn bà Lê Thị Thu N trình bày:*

Trước đây, bà và ông Lê Văn Quốc T1 là vợ chồng. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2009/QĐST-DS ngày 31/8/2009 của Tòa án nhân dân huyện

Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại phần quyết định, về con chung giao con chung là Nguyễn Quốc T3 cho bà nuôi dưỡng, ông T1 thực hiện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 800.000 đồng từ ngày Tòa án giải quyết cho ly hôn đến khi cháu Nguyễn Quốc T3 tròn 18 tuổi. Ngày 27/5/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định tái thẩm số 12/2020/HNGĐ-TT tuyên hủy một phần Quyết định số 21/2009/QĐST-DS phần về thỏa thuận con chung.

Ngày 03/02/2021, Tòa án thụ lý lại vụ án, bà N yêu cầu Tòa án xem xét cháu Nguyễn Quốc T3 là con riêng của bà, nhưng được sinh ra trong thời kỳ hôn giữa bà và ông T1, nên được xem là con chung, tiếp tục giao cháu T3 cho bà nuôi dưỡng và yêu cầu ông T1 thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng là từ ngày Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T1 cho đến khi cháu T3 tròn 18 tuổi.

*2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Văn Quốc T1 trình bày:*

Ông và bà Lê Thị Thu N kết hôn, có con chung là cháu Nguyễn Quốc T3, sinh ngày 26/12/2007. Do mâu thuẫn, bà N làm đơn ly hôn. Ngày 31/8/2009, Tòa án nhân dân huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2009/QĐST-HNGĐ giải quyết về con chung, ghi nhận: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Quốc T3, sinh ngày 26/12/2007, bà N được quyền nuôi con, ông T1 cấp dưỡng một tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đến tháng 6/2016 ông đã đi giám định ADN, kết quả giám định cháu T3 không phải là con ruột của ông. Ngày 01/9/2017, Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 1230/2017/QĐST-HNGĐ ghi nhận cháu Nguyễn Quốc T3 không phải là con ruột của ông T1. Ngày 27/5/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định tái thẩm số 13/2020/HNGĐ-TT về việc “Thuận tình ly hôn” xử hủy một phần Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2009/QĐST-DS ngày 31/8/2009 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về phần thỏa thuận về con chung.

Tòa án thụ lý giải quyết lại vụ án, ông yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung: ông T1 và bà N không có con chung, và ông không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quốc T3.

Đối với nghĩa vụ thi hành án theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2009/QĐST-DS ngày 31/8/2009, tổng cộng ông đã thực hiện nộp số tiền là 73.635.000 đồng. Trong vụ án này, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc thi hành án, nếu có ông sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

*3. Theo văn bản ý kiến ngày 03/8/2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trí T2 trình bày:*

Ông không có bất kỳ ý kiến hay yêu cầu gì đối với vụ án. Đề nghị Tòa xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*4. Tại phiên tòa:* Các đương sự đều vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cháu Tòa không phải con ruột của ông T1, do đó bà N yêu cầu giải quyết về con chung trong thời kỳ hôn nhân và buộc ông T1 phải cấp dưỡng nuôi cháu T3 là không có cơ sở chấp nhận. Đối với số tiền ông T1 đã cấp dưỡng nuôi cháu T3, đương sự không yêu cầu, nên dành cho ông T1 quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn không phải nộp án phí sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ngày 27/5/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định tái thẩm số 13/2020/HNGĐ-TT tuyên hủy một phần Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2009/QĐST-DS ngày 31/8/2009 của Tòa án nhân huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phần thỏa thuận về con chung giữa nguyên đơn bà Lê Thị Thu N và bị đơn ông Nguyễn Văn Quốc T1, địa chỉ: khu phố T, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/02/2021, Tòa án thụ lý lại vụ án hôn nhân gia đình xác định quan hệ tranh chấp về con chung trong thời kỳ hôn nhân, yêu cầu cấp dưỡng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị Thu N, bị đơn ông Nguyễn Văn Quốc T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trí T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bà Lê Thị Thu N, ông Nguyễn Văn Quốc T1, ông Nguyễn Trí T2.

Về nội dung:

[3] Bà N yêu cầu xác định cháu T3 là con chung của bà và ông T1, giao cháu T3 cho bà nuôi dưỡng và ông T1 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày Tòa án giải quyết ly hôn đến khi cháu T3 tròn 18 tuổi, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T1 được ủy ban nhân dân Phường B, quận G cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/01/2006. Ngày 31/8/2009, Tòa án nhân dân huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông T1 tại Quyết định công nhận sự

thỏa thuận của các đương sự số 21/2009/QĐST-HNGĐ, thỏa thuận ly hôn có hiệu lực thi hành từ ngày ban hành quyết định. Căn cứ khoản 7 Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, thời kỳ hôn nhân của bà N và ông T1 được xác định từ ngày 24/01/2006 đến ngày 30/8/2009.

[3.2] Về con chung:

[3.2.1] Khi ly hôn, theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2009/QĐST-DS ngày 31/8/2009 của Tòa án nhân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bà N và ông T1 thỏa thuận về con chung vợ chồng có một con chung là cháu là Nguyễn Quốc T3, sinh ngày 26/12/2007, bà N được quyền nuôi con; ông T1 cấp dưỡng nuôi con 800.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, và được tới thăm con và chăm sóc con chung không ai được cấm cản.

[3.2.2] Sau khi ly hôn, theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 1230/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01/9/2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, ghi nhận cháu T3 không phải là con ruột của ông T1. Theo kết quả xác minh tại ủy ban nhân dân Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25/9/2017 ông Nguyễn Trí T2 đã làm thủ tục đăng ký nhận cha, con với cháu T3. Theo Giấy khai sinh cấp cho cháu T3 ngày 02/01/2008 của ủy ban nhân dân Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, xác nhận cháu T3 có mẹ là Lê Thị Thu N và cha là Nguyễn Trí T2.

[3.2.3] Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2009/QĐST-DS ngày 31/8/2009 của Tòa án nhân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị hủy về phần thỏa thuận con chung. Bà N khởi kiện yêu cầu giải quyết về con chung trong thời kỳ hôn nhân với ông T1 và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ngày 01/02/2021, ông T1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xác định ông T1 và N không có con chung và ông không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quốc T3.

Xét thấy, cháu T3 không phải là con ruột của ông T1 đã được Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xác định, nên đơn khởi kiện ngày 01/02/2021 của ông T1 có yêu cầu cùng với yêu cầu của bà N, trong phạm vi Tòa án xem xét yêu cầu khởi kiện của bà N. Do đó, đơn khởi kiện của ông T1 chỉ là ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà N, không phải yêu cầu phản tố theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2.4] Căn cứ Quyết định số 1230/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01/9/2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, ông T1 cho rằng giữa ông T1 và bà N không có con chung là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, ông T1 không có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ, nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu T3 theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2.5] Bà N hiện đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T3, bà N khởi kiện nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cháu T3 có quan hệ huyết thống, hoặc nuôi dưỡng với ông T1, việc bà N cho rằng cháu Nguyễn Quốc T3 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của bà N và ông T1 để tranh chấp về con chung trong thời kỳ hôn nhân và yêu cầu ông T1 cấp dưỡng sau khi ly hôn là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Hậu quả của việc thi hành án phần thỏa thuận về con chung của Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2009 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ): Căn cứ Công văn số 105/CCTHADS ngày 09/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ông T1 đã thi hành án với số tiền 65.600.000 đồng cấp dưỡng nuôi cháu T3 được 82 tháng (6 năm 10 tháng). Trong vụ án này, ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xem xét theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, dành cho ông T1 quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu N.

[6] Về án phí sơ thẩm: Vụ án tranh chấp về con, yêu cầu cấp dưỡng, bà Lê Thị Thu N không phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 11 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Hoàn trả ông Nguyễn Văn Quốc T1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 81, 82, 83, 84, 88, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu N đối với ông Nguyễn Văn Quốc T1 về việc tranh chấp về con chung trong thời kỳ hôn nhân và yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quốc T3, sinh ngày 26/12/2007 hàng tháng 800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày Tòa án giải quyết ly hôn đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thu N không phải nộp án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Quốc T1 số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006286 ngày 02/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX. Phú Mỹ, tỉnh BR-VT;
- UBND P.B, quận G, TP.HCM;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Việt Hà**